

**PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC
VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

(Đính kèm Tờ trình số .../TTr-ĐHĐCĐ, ngày tháng năm 2021)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung cần sửa đổi, bổ sung tại mục “Quy định tại Dự thảo Quy chế sửa đổi”
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC ĐIỂM SỬA ĐỔI CỦA QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP BIA HÀ NỘI - HẢI PHÒNG NĂM 2021**

STT	Quy chế hiện hành	Dự thảo quy chế lệ sửa đổi	Giải thích, dẫn chiếu
	<p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;</p> <p>Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng đã được Đại hội đồng cổ đông bổ sung, sửa đổi tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 10/05/2018;</p> <p>Căn cứ Biên bản họp Ban kiểm soát số 01/BB-BKS ngày 16 tháng 05 năm 2018, Ban kiểm soát thống nhất ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát:</p>	<p><i>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</i></p> <p><i>Căn cứ Nghị quyết số ...ngày 12/05/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng</i></p> <p><i>Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng đã được Đại hội đồng cổ đông bổ sung, sửa đổi tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 12/05/2021;</i></p>	<p>Sửa đổi theo Luật DN 2020, ND 155/2020/NĐ-CP</p>
	<p>Điều 3: Giải thích từ ngữ</p> <p>- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.</p>	<p>Điều 3: Giải thích từ ngữ</p> <p>- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.</p>	<p>Sửa đổi theo Luật DN 2020.</p>

<p style="text-align: center;">PHẦN II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ</p> <p>Điều 4: Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động</p> <p>1. Ban kiểm soát có 04 thành viên : 01 Trưởng ban chuyên trách và 03 Kiểm soát viên không chuyên trách.</p> <p>Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 5 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p>	<p style="text-align: center;">PHẦN II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ</p> <p>Điều 4: Cơ cấu tổ chức, nhiệm kỳ hoạt động</p> <p>1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa (1/2) số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật DN 2020; bổ sung mục 3</p>
<p>Điều 5: Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</p> <p>1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. - Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng 	<p>Điều 5: Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</p> <p>Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp (khoản 2 Điều 17); - Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; - Không phải là người có quan hệ gia đình của 	<p>Sửa đổi theo Luật DN 2020</p>

<p>quản trị, Giám đốc và người quản lý khác tại Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không được giữ các chức vụ quản lý tại Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty. - Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty. <p>2. Kiểm soát viên Công ty phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Trưởng Ban kiểm soát phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p>	<p>thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác tại Công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác; - Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty. 	
<p>Điều 6: Bãi nhiệm, miễn nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này. - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng. - Có đơn từ chức. 	<p>Điều 6: Bãi nhiệm, miễn nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp; - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; 	<p>Điều chỉnh phù hợp với Điều 169 của Luật DN 2020.</p>

	<p>Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</p> <p>7. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>	<p>Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</p> <p>7. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật DN 2020</p>
	<p>Điều 12: Chương trình hoạt động và các cuộc</p>	<p>Điều 12: Chương trình hoạt động và các cuộc họp</p>	

<p>họp của Ban kiểm soát</p> <p>2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát được ghi thành biên bản và được tất cả các kiểm soát viên dự họp ký tên vào biên bản.</p>	<p>của Ban kiểm soát</p> <p>2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát được ghi thành biên bản và có thể được ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài; trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa 02 biên bản thì nội dung biên bản bằng Tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. Người ghi biên bản và các kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Điều chỉnh theo Luật DN 2020; bổ sung mục 4</p>
	<p>Điều 13: Trình báo cáo hàng năm</p> <p>Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:</p> <p>1. Báo cáo thẩm định về kết quả kinh doanh, tài chính của Công ty; về kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.</p> <p>3. Các báo cáo của Ban kiểm soát tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải đảm bảo có các nội dung sau:</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với Luật DN 2020.</p>

		<p>Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.</p>	
		<p>Điều 14: Các mối quan hệ của Ban kiểm soát</p> <p>1. Quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các Kiểm soát viên.</p> <p>2. Quan hệ với Ban điều hành</p> <p>Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.</p> <p>Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.</p>	<p>Bổ sung Điều 14</p>

		<p>Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Quan hệ với Hội đồng quản trị</p> <p>Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
	<p>PHẦN III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p> <p>Điều 13: Sửa đổi, bổ sung</p> <p>Trong quá trình thực hiện, Quy chế này sẽ được xem xét sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.</p>	<p>PHẦN III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p> <p>Điều 15: Sửa đổi, bổ sung</p> <p>Trong quá trình thực hiện, Quy chế này sẽ được xem xét sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ Công ty, pháp luật hiện hành và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	Thay đổi điều 13 thành điều 15
	<p>Điều 14: Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ</p>	<p>Điều 16: Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế này gồm 17 điều được Đại hội đồng</p>	Thay đổi điều 14 thành điều 14

	ngày ký.	cổ đông thông Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng thống nhất thông qua ngàythángnăm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.	16
	<p>Điều 15: Trách nhiệm thi hành</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng ban, Phân xưởng trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quy chế./.</p>	<p>Điều 17: Trách nhiệm thi hành</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng ban, Phân xưởng trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quy chế./.</p>	Thay đổi điều 15 thành điều 17